

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THIÊN THANH BÌNH VN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THIÊN THANH BÌNH VN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110121462

3. Ngày thành lập: 19/09/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 8 Tòa nhà Kim Ánh, Số 78 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0528948871

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (Trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, máy điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
10.	Bán mô tô, xe máy	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa	4610

14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ (Không hoạt động tại trụ sở)	4631
16.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng; Bán buôn sản phẩm dinh dưỡng, sản phẩm chức năng, sản phẩm sinh học (không hoạt động tại trụ sở)	4632
17.	Bán buôn đồ uống	4633
18.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
19.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn văn phòng phẩm; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh dược phẩm); Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự.	4649(Chính)
20.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
21.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, dụng cụ, thiết bị y tế	4659
24.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)	4661
25.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ phế thải kim loại và mua bán vàng miếng)	4662
26.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không hoạt động tại trụ sở)	4663
27.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp; Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực phụ gia thực phẩm; Bán buôn phân bón; Bán buôn cao su; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn trang thiết bị bảo hộ lao động; Bán buôn bao bì bằng giấy, bìa, gỗ, plastic; Bán buôn nguyên vật liệu giấy, giấy các loại; Bán buôn bê tông nóng; Bán buôn hạt nhựa nguyên sinh PP, PE, Bán buôn nhựa PVCm (không tồn trữ hóa chất) (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động)	4669
28.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở)	0118
29.	Trồng cây hàng năm khác (Không hoạt động tại trụ sở)	0119
30.	Trồng cây ăn quả (Không hoạt động tại trụ sở)	0121

31.	Trồng cây lâu năm khác (Không hoạt động tại trụ sở)	0129
32.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm (Không hoạt động tại trụ sở)	0131
33.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm (Không hoạt động tại trụ sở)	0132
34.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
35.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
36.	Xử lý hạt giống để nhân giống (Không hoạt động tại trụ sở)	0164
37.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
38.	Khai thác gỗ (Không hoạt động tại trụ sở)	0220
39.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (Không hoạt động tại trụ sở)	0231
40.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ (Không hoạt động tại trụ sở)	0232
41.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
42.	Khai thác quặng sắt (Không hoạt động tại trụ sở)	0710
43.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium (Không hoạt động tại trụ sở)	0721
44.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
45.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Trừ dạy về tôn giáo; các trường của các tổ chức Đảng - Đoàn thể)	8559
46.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
47.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
48.	Lập trình máy vi tính Chi tiết: sản xuất phần mềm	6201
49.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (Trừ kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ truy cập internet)	6202
50.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
51.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
52.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
53.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Trừ các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí)	6399

54.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản	6820
55.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
56.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
57.	Quảng cáo	7310
58.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (trừ thiết kế công trình xây dựng).	7410
59.	Hoạt động nhiếp ảnh Chi tiết: Dịch vụ chụp hình, quay phim	7420
60.	Cho thuê xe có động cơ	7710
61.	Bán buôn tổng hợp (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở)	4690
62.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở)	4719
63.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
64.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
65.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
66.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
67.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)	4730
68.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (Không hoạt động tại trụ sở)	0722
69.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Trừ khai thác vàng)	0730
70.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không hoạt động tại trụ sở)	0810
71.	Khai thác và thu gom than bùn (Không hoạt động tại trụ sở)	0892
72.	Chế biến và bảo quản rau quả (Không hoạt động tại trụ sở)	1030
73.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (Không hoạt động tại trụ sở)	1040
74.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng (Không hoạt động tại trụ sở)	1079
75.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410

76.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (không hoạt động tại trụ sở)	1610
77.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (Trừ chế biến gỗ, tái chế phế thải)	1621
78.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng (Không hoạt động tại trụ sở)	1622
79.	Sản xuất bao bì bằng gỗ (Không hoạt động tại trụ sở)	1623
80.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện (không hoạt động tại trụ sở)	1629
81.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa (Không hoạt động tại trụ sở)	1701
82.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa (Không hoạt động tại trụ sở)	1702
83.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Không hoạt động tại trụ sở)	1709
84.	In ấn (Không hoạt động tại trụ sở và trừ in tráng bao bì kim loại, in ấn trên sản phẩm vải, sợi, dệt, may)	1811
85.	Dịch vụ liên quan đến in (không hoạt động tại trụ sở)	1812
86.	Sản xuất hoá chất cơ bản (Không hoạt động tại trụ sở)	2011
87.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (Không hoạt động tại trụ sở) (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b)	2013
88.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)	2021
89.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít (Không hoạt động tại trụ sở)	2022
90.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (Trừ sản xuất và tồn trữ hóa chất tại trụ sở)	2023
91.	Sản xuất sản phẩm từ plastic (Trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b và không hoạt động tại trụ sở)	2220
92.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở)	2395
93.	Đúc sắt, thép (không hoạt động tại trụ sở)	2431

94.	Sản xuất các cấu kiện kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2511
95.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2591
96.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2592
97.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng (không hoạt động tại trụ sở)	2740
98.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp (không hoạt động tại trụ sở)	2816
99.	Sản xuất máy chuyên dụng khác (không hoạt động tại trụ sở)	2829
100.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
101.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
102.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí)	4789
103.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí;)	4791
104.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán lẻ hóa chất tại trụ sở;)	4799
105.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
106.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
107.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
108.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
109.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
110.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
111.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5022
112.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
113.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5222
114.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224

115.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (trừ kinh doanh bến bãi ô tô và hóa lỏng khí để vận chuyển)	5225
116.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Đại lý vé máy bay, vé tàu. Gửi hàng. Giao nhận hàng hóa; Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và vận chuyển hàng không).	5229
117.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (không hoạt động tại trụ sở).	5510
118.	Cơ sở lưu trú khác	5590
119.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
120.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
121.	Dịch vụ ăn uống khác (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ).	5629
122.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ; Không sử dụng chất nổ, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	5911
123.	Hoạt động hậu kỳ (Không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ; Không sử dụng chất nổ, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	5912
124.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc Chi tiết: Hoạt động ghi âm (trừ karaoke)	5920
125.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
126.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động giới thiệu việc làm	7810
127.	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Cho thuê lại lao động	7820
128.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động)	7830
129.	Đại lý du lịch	7911
130.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế	7912
131.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990

132.	Vệ sinh chung nhà cửa (Trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)	8121
133.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (Trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)	8129
134.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
135.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không hoạt động tại trụ sở)	3100
136.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (không hoạt động tại trụ sở)	3250
137.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất khẩu trang y tế, khẩu trang kháng khuẩn các loại; Sản xuất găng tay y tế, găng tay kháng khuẩn các loại (Không hoạt động tại trụ sở)	3290
138.	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa thiết bị y tế; Sửa chữa thiết bị cơ điện lạnh (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3312
139.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3313
140.	Sửa chữa thiết bị điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3314
141.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3320
142.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (không hoạt động tại trụ sở)	3600
143.	Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở)	3700
144.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3821
145.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3822
146.	Xây dựng nhà để ở	4101
147.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
148.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
149.	Xây dựng công trình điện (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại theo Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	4221
150.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
151.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
152.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
153.	Xây dựng công trình thủy	4291
154.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292

155.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
156.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
157.	Phá dỡ	4311
158.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
159.	Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4321
160.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
161.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
162.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
163.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (không hoạt động tại trụ sở).	4752
164.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
165.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
166.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Có nội dung được phép lưu hành)	4761
167.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
168.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
169.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
170.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRẦN KIM THÀNH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 04/12/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025978199

Ngày cấp: 13/01/2014

Nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú: 16/7 ấp 3, Xã Tân Quý Tây, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 16/7 ấp 3, Xã Tân Quý Tây, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN KIM THÀNH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *04/12/1987*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *025978199*

Ngày cấp: *13/01/2014* Nơi cấp: *Công an Thành phố Hồ Chí Minh*

Địa chỉ thường trú: *16/7 ấp 3, Xã Tân Quý Tây, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *16/7 ấp 3, Xã Tân Quý Tây, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*